CTCP Thủy điện Buôn Đôn (UPCOM: BSA)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	22,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.7%	**21.6%**	**34.5%**

ROE — 2023: **10.6%** — +/- YoY ▼ 7.0%

		QoQ	YoY
DT thuần	*Q1/24*: **33.8** *tỷ VNĐ*	▼ 76.2 ▼ 69.2%	▼ 23.2 ▼ 40.7%
DT thuần	*2023*: **344** *tỷ VNĐ*		YoY ▼ 54.0 ▼ 13.5%
LN gộp	*Q1/24*: **11.3** *tỷ VNĐ*	▼ 45.1 ▼ 79.9%	▼ 11.0 ▼ 49.1%
LN gộp	*2023*: **153** *tỷ VNĐ*		▼ 52.0 ▼ 25.4%
LN thuần	*Q1/24*: **0.48** *tỷ VNĐ*	▲ 2.59 ▲ 123%	▼ 10.5 ▼ 95.6%
LN thuần	*2023*: **102** *tỷ VNĐ*		▼ 60.0 ▼ 37.0%
LN sau thuế	*Q1/24*: **0.44** *tỷ VNĐ*	▲ 4.21 ▲ 112%	▼ 9.96 ▼ 95.7%
LN sau thuế	*2023*: **97.0** *tỷ VNĐ*		▼ 57.0 ▼ 36.9%

Kết quả kinh doanh

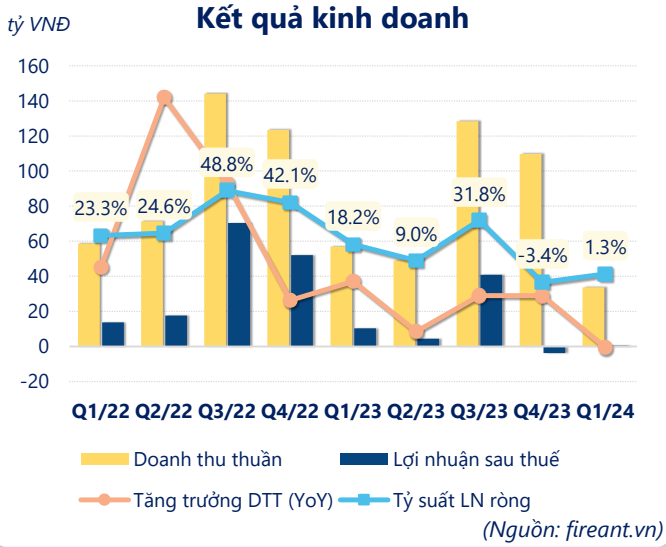

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

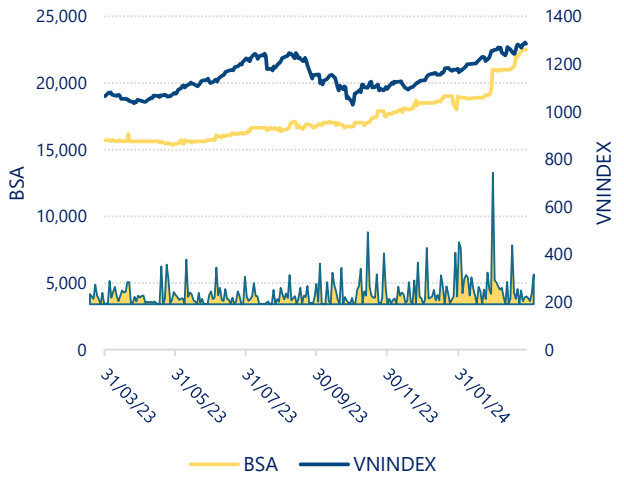

CTCP Thủy điện Buôn Đôn (UPCOM: BSA)

Tăng trưởng lợi nhuận

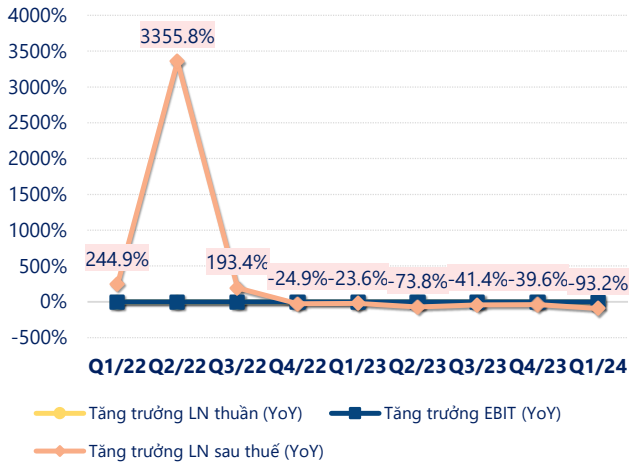

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

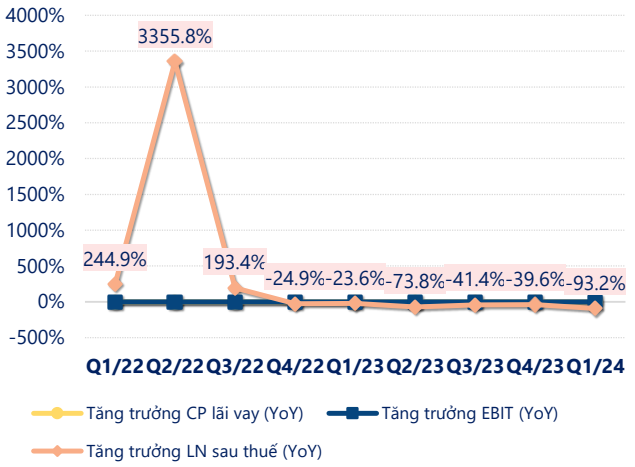

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

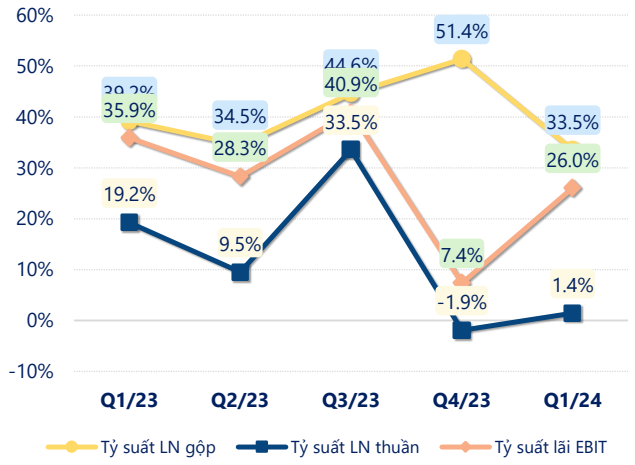

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

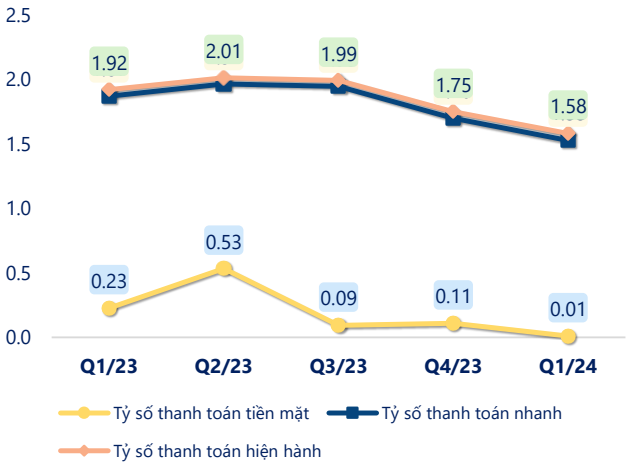

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

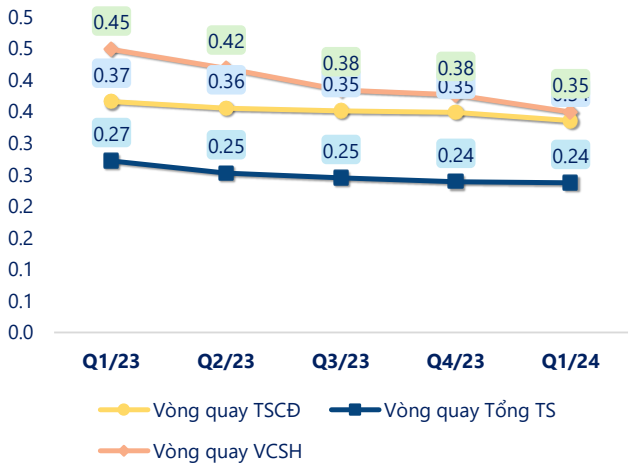

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

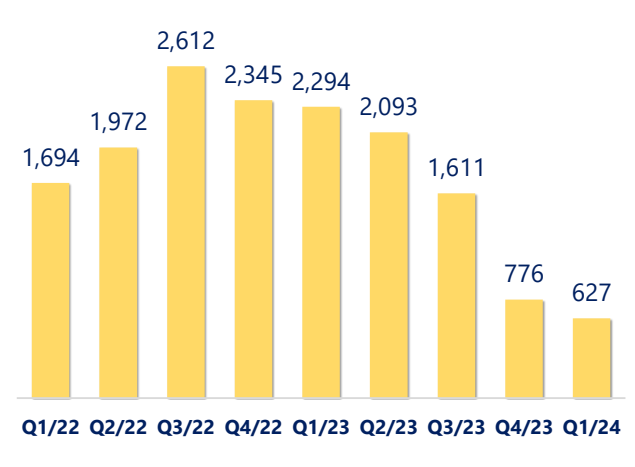

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thủy điện Buôn Đôn (UPCOM: BSA)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.8**	**57.0**	**-40.7%**	**344**	**398**	**-13.5%**
Giá vốn hàng bán	22.5	34.7	-35.2%	191	193	-0.9%
Lợi nhuận gộp	11.3	22.3	-49.1%	153	205	-25.4%
Doanh thu HĐTC	0.17	1.04	-83.8%	3.12	2.89	8.1%
Chi phí TC	8.33	9.54	-12.7%	38.5	28.8	33.7%
Chi phí lãi vay	8.33	9.49	-12.3%	38.5	28.8	33.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.71**	**2.89**	**-6.4%**	**15.5**	**17.1**	**-9.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.48	11.0	-95.6%	102	162	-37.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.02**	**0**	
LN trước thuế	0.48	11.0	-95.6%	102	162	-37.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.44**	**10.4**	**-95.7%**	**97.0**	**154**	**-36.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.44**	**10.4**	**-95.7%**	**97.0**	**154**	**-36.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

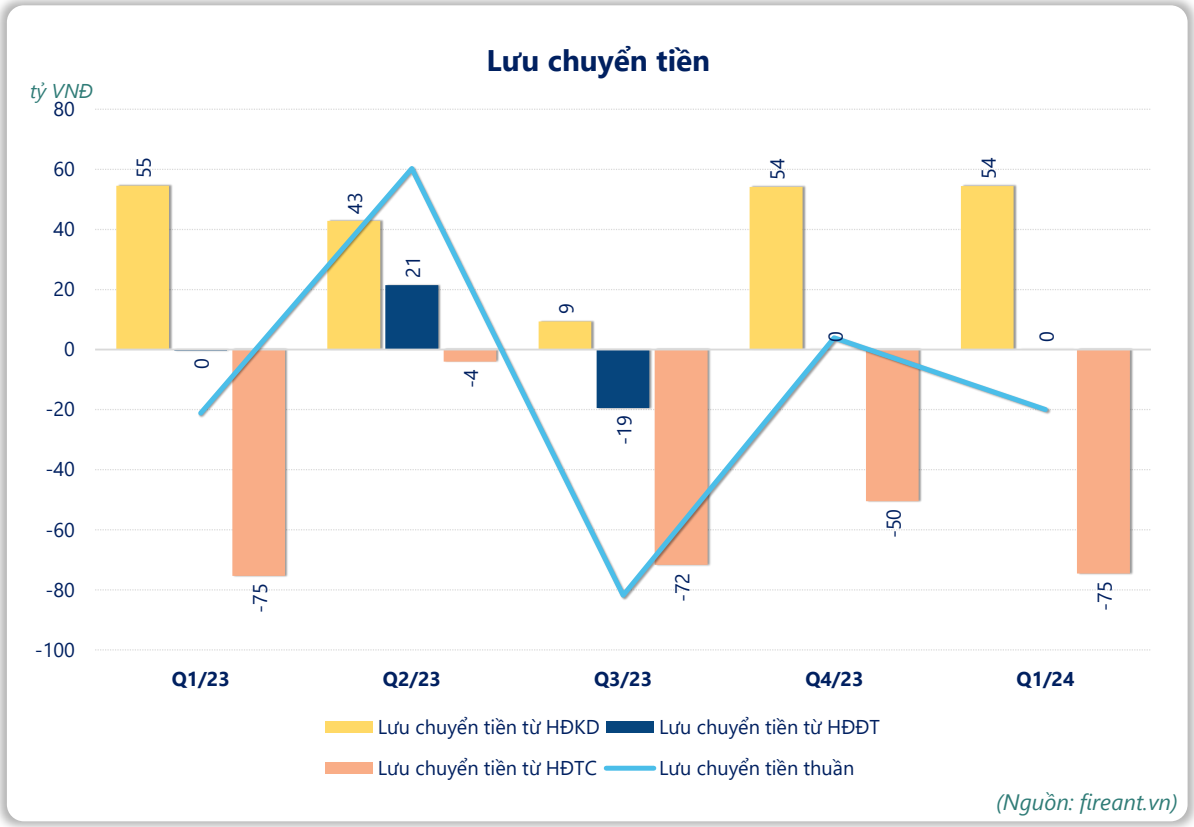

(Nguồn: fireant.vn)